

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai 107389309640

Số tờ khai đầu tiên

0738930964

Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

Mã phân loại kiểm tra 2

Mã loại hình VND A11 1 [4]

Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai 9029

Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai

HOTSNHAT

Mã bộ phận xử lý tờ khai 00

Ngày đăng ký 28/07/2025 10:16:45

Ngày thay đổi đăng ký 28/07/2025 18:54:44

Thời hạn tái nhập/ tái xuất

Người nhập khẩu

Mã 0301930048

Tên Công Ty TNHH Tri Tân

Mã bưu chính

Địa chỉ 30/21 Gò Dầu, P.Tân Sơn Nhì, TP.HCM

Số điện thoại

02835591339

Người ủy thác nhập khẩu

Mã

Tên

Người xuất khẩu

Mã

Tên

CIRPROTEC, S.L.U

Mã bưu chính

Địa chỉ

C/LEPANTO

BARCELONA

49- 08223 TERRASSA

SPAIN

Mã nước

ES

Người ủy thác xuất khẩu

Đại lý Hải quan

Số vận đơn

1 02035122312

2

3

4

5

Số lượng

1

PK

Tổng trọng lượng hàng (Gross)

198

KGM

Số lượng container

Địa điểm lưu kho 02B1A04

Địa điểm dỡ hàng VNBSN

Địa điểm xếp hàng ESBCN

Phương tiện vận chuyển

Ngày hàng đến

Ký hiệu và số hiệu

LHS018/27JUL

27/07/2025

#12025##

Ngày được phép nhập kho đầu tiên

Mã văn bản pháp quy khác

M0

Số hóa đơn

A - 25004725 81 00135

Số tiếp nhận hóa đơn điện tử

Ngày phát hành

13/07/2025

Phương thức thanh toán

Tổng trị giá hóa đơn

Tổng trị giá tính thuế

Tổng hệ số phân bổ trị giá

Mã kết quả kiểm tra nội dung

Giấy phép nhập khẩu

1

4

Mã phân loại khai trị giá

6

Khai trị giá tổng hợp

Các khoản điều chỉnh

Phí vận chuyển

Phí bảo hiểm

Mã tên

Mã phân loại

Trị giá khoản điều chỉnh

Tổng hệ số phân bổ

1

N

AD

EUR

2

3

4

5

Chi tiết khai trị giá

Tên sắc thuế

Tổng tiền thuế

Số dòng tổng

1

N

Thuế NK

VND

3

Tổng tiền thuế phải nộp

VND

2

V

Thuế GTGT

VND

9

Số tiền bảo lãnh

VND

3

4

5

6

VND

VND

VND

Tỷ giá tính thuế

EUR

Mã xác định thời hạn nộp thuế

D

Mã lý do đề nghị BP

Tổng số trang của tờ khai

11

Tổng số dòng hàng của tờ khai

Người nộp thuế

Phân loại nộp thuế

1

A

9

SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày..... Tháng..... Năm.....

PHÓ GIÁM ĐỐC



Trần Thị Kim Ngân

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai 107389309640

Số tờ khai đầu tiên

Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

Mã phân loại kiểm tra 2

Mã loại hình A11 1 [4]

Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai 9029

Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai

HQTSNHAT

Mã bộ phận xử lý tờ khai 00

Ngày đăng ký 28/07/2025 10:16:45

Ngày thay đổi đăng ký 28/07/2025 18:54:44

Thời hạn tái nhập/ tái xuất

<06>

Mã số hàng hóa 85354000

Mã quản lý riêng

Mã phân loại tái xác nhận gì 1 1

Mô tả hàng hóa

Bộ kim thu sét (gồm ba bộ phận) bằng chất liệu thép không gỉ điện áp trên 1000V Model: Nimbus 30, hiệu Cirprotec, Tây Ban Nha. Hàng mới 100%

Số của mục khai khoản điều chỉnh 1

Trị giá hóa đơn

Số lượng (1)

5

SET

Số lượng (2)

5

SET

Đơn giá hóa đơn

EUR

SET

Thuế nhập khẩu

Trị giá tính thuế(S)

VND

Trị giá tính thuế(M)

Số lượng tính thuế

khai hàng hóa

Đơn giá tính thuế

- VND

SET

Thuế suất

A

Mã áp dụng thuế tuyệt đối

Số tiền thuế

VND

Nước xuất xứ

ES - SPAIN - B01

Số tiền miễn giảm

VND

Mã ngoài hạn ngạch

Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

Danh mục miễn thuế nhập khẩu

Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu

Thuế và thu khác

1 Tên Thuế GTGT

Trị giá tính thuế

VND

Mã áp dụng thuế suất 7B245

Thuế suất

VND

Số lượng tính thuế

Số tiền thuế

VND

Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác

Số tiền miễn giảm

VND

2 Tên

Trị giá tính thuế

VND

Mã áp dụng thuế suất

Thuế suất

VND

Số lượng tính thuế

Số tiền thuế

VND

Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác

Số tiền miễn giảm

VND

3 Tên

Trị giá tính thuế

VND

Mã áp dụng thuế suất

Thuế suất

VND

Số lượng tính thuế

Số tiền thuế

VND

Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác

Số tiền miễn giảm

VND

4 Tên

Trị giá tính thuế

VND

Mã áp dụng thuế suất

Thuế suất

VND

Số lượng tính thuế

Số tiền thuế

VND

Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác

Số tiền miễn giảm

VND

5 Tên

Trị giá tính thuế

VND

Mã áp dụng thuế suất

Thuế suất

VND

Số lượng tính thuế

Số tiền thuế

VND

Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác

Số tiền miễn giảm

VND

VND

VND

VND

VND

VND

VND

VND

VND

VND

VND

VND

VND

VND

VND

VND

VND

VND

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai 107389309640 Số tờ khai đầu tiên
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng
Mã phân loại kiểm tra 2 Mã loại hình A11 1 [4] Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai 9029
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai HQTSNHAT Mã bộ phận xử lý tờ khai 00
Ngày đăng ký 28/07/2025 10:16:45 Ngày thay đổi đăng ký 28/07/2025 18:54:44 Thời hạn tái nhập/ tái xuất

Mã số hàng hóa 90291090 Mã quản lý riêng Mã phân loại tái xác nhận gi []
Mô tả hàng hóa Bộ đệm sét Model: CDR 401, hiệu Cirprotec, Tây Ban Nha. Hàng mới 100%

Số của mục khai khoản điều chỉnh 1
Trị giá hóa đơn
Thuế nhập khẩu
Trị giá tính thuế(S) VND Trị giá tính thuế(M)
Số lượng tính thuế Số lượng (1) 100 PCE
Thuế suất A Số lượng (2) 100 PCE
Số tiền thuế Đơn giá hóa đơn EUR PCE
Số tiền miễn giảm VND
Số tiền miễn giảm VND
Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng
Danh mục miễn thuế nhập khẩu
Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu

Thuế và thu khác			
1	Tên	Thuế GTGT	Mã áp dụng thuế suất VB245
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	
2	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	
3	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	
4	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	
5	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	